

Đi tìm lối viết tiểu thuyết qua cuốn Đò Dọc của Bình Nguyên Lộc

TRẦN VĂN NAM

VỀ MỘT PHƯƠNG PHÁP

Muốn viết chủ đề "Đi Tìm Những Lối Viết Trong Tiểu Thuyết" thì người soạn phải vận dụng một thời gian khá lâu để đọc nhiều tác phẩm của văn học miền Nam hiện đại (kể từ 1954), nhưng không thể nói là nhiều tác phẩm của một tác giả, bởi vì chủ đề có ý hướng đi tìm tác phẩm của tác giả chứ không đi tìm tác giả. Tìm hiểu một tác giả cần đến phương pháp suy luận quy nạp: quy nạp nhiều tác phẩm của một người để đi tới một nhận định tổng quát về một tác giả. Còn đi tìm lối viết trong tiểu thuyết cần đến phương pháp suy luận diễn dịch: diễn dịch từ một nhận định tổng quát về một tác giả (nhận định đó do nhà viết văn học sử cung cấp) hoặc diễn dịch từ một định nghĩa tổng quát về văn chương (định nghĩa này do các nhà học giả đem lại); hoặc diễn dịch từ lời xác nhận của nhà văn về khuynh hướng viết của mình, qua một cuộc phỏng vấn. Diễn dịch đưa tới những hệ luận, những hệ luận này là chìa khóa để viết tiểu thuyết. Khi viết tiểu thuyết chắc không ai căn cứ vào các hệ luận bởi vì có thể chúng mới chỉ là trực giác hướng dẫn các nhà văn sáng tác. Không sáng tác mà chỉ tìm hiểu từ đâu có những lối viết thì ta căn cứ vào các hệ luận. Chẳng hạn sau đây là một định nghĩa tổng quát về văn chương: Tiểu thuyết là truyện bịa đặt y như sự thật. Từ định nghĩa tổng quát này ta diễn dịch đưa tới một trong những hệ luận: bố cục của tiểu thuyết phải tuân theo trật tự của thời gian, nếu có đảo lộn thời gian (trong cốt truyện dĩ vãng nói đến trước) thì đó vẫn là sự thật của cuộc đời. Nhưng có hai loại hệ

luận: hệ luận thuộc về mặt nổi ai cũng có thể suy ra để tìm thấy trong tác phẩm, còn loại hệ luận thuộc về mặt chìm thì đây có lẽ là phần phát kiến, phần sáng tạo của nhà phê bình. Đó là hệ luận thuộc về bản chất sâu xa, cũng như hễ nói về sa mạc ta nghĩ đến mặt nổi là nơi khô khan nóng bức cát trắng ngút ngàn, còn mặt chìm thuộc về bản chất thì đó là nơi có thể chứa mỏ dầu do sự đảo lộn các lớp đất thời nguyên thủy (rừng xanh bị chôn vùi trải qua hàng triệu năm đã biến thành dầu hỏa).

Cũng cần phải phân biệt với loại diễn dịch từ những thuyết lý ở ngoài tác phẩm, những thuyết lý do các triết gia đặt ra và dựa vào đó để giải thích gán ghép cho một tác phẩm văn chương. Chẳng hạn như triết lý hiện sinh gán cho một tiểu thuyết không có ý hướng diễn tả tư tưởng hiện sinh (có lẽ mãi về sau này văn học sử miền Nam mới có vài tác phẩm chịu ảnh hưởng tư tưởng hiện sinh), hoặc như quan niệm về tiểu thuyết mới gán ghép cho một cuốn sách viết từ thuở chưa có vấn đề tiểu thuyết mới (mãi về sau văn học sử miền Nam mới có một Huỳnh Phan Anh, một Nguyễn Quốc Trụ, ít nhiều chịu ảnh hưởng lối viết mới mẻ ấy).

Lý tưởng của chủ đề "Đi Tìm Những Lối Viết Trong Tiểu Thuyết" là có bao nhiêu nhận định về một tác giả thì phải tìm ra bấy nhiêu lối viết tiểu thuyết, do đó phải đi tìm trong nhiều tác phẩm của một tác giả mới đầy đủ. Trong khuôn khổ có giới hạn, xin chỉ có thể diễn dịch từ một vài nhận định tổng quát về một tác giả mà thôi, và chỉ căn cứ trên một tác phẩm nào đó của nhà văn ấy.

ĐI VÀO CUỐN TIỂU THUYẾT "ĐÒ DỌC" CỦA BÌNH NGUYÊN LỘC.

Dòng sông là con đường thiên lý nối liền Hà Nội- Sài Gòn (thật ra năm 1954 không có nối liền). Thời gian bắt đầu câu chuyện là vào lúc

quân viễn chinh Pháp mới vừa rút về nước sau hiệp định ngưng bắn Geneve. Đò Dọc là những khách du hành xuôi ngược bằng đủ loại xe trên con đường thiên lý. Bến đò là Thái Huyền Trang nằm nép mình trên đường thiên lý thuộc vùng Biên hòa, nơi đó có gia đình ông Nam Thành gồm hai vợ chồng và bốn người con gái đã đến tuổi lỡ thì. Họ từ Sài Gòn về lập trại sống đời thảo dã, vì ở đô thành quân viễn chinh Pháp rút đi sự làm ăn của họ trở thành khó khăn. Ông bà thì dễ vì tuổi đã già, chỉ có bốn người con gái lỡ thì không vui bởi họ đã quen sống tại Sài Gòn, họ cần ở đó để may ra kiếm được những tấm chồng xứng đáng. Họ buồn lắm; nhưng buồn nhất là Hồng, thứ nữ của ông bà, bởi vì người yêu bất thành của Hồng vẫn còn lẩn quẩn nơi đô thành đầy kỷ niệm của mối tình đầu. Cô Hoa và người em út Quá thì chỉ buồn phải xa nơi có nhiều thú tiêu khiển dành cho tuổi trẻ. Còn Hương, trưởng nữ, vì tính tình lãnh đạm nên không buồn lắm mặc dù tuổi nàng đã đến hai mươi tám rồi. Họ vẫn còn hy vọng ở sợi dây liên lạc giữa Thái Huyền Trang và Sài Gòn, sợi dây đó là người anh họ bất thiệp, anh Bằng. Tháng ngày qua, họ mong mỗi người anh từ Sài Gòn đến, đem không khí trẻ trung và có thể đem đến vài người bạn trai xứng đáng mà họ ao ước. Còn ở đây trai tráng què mùa quá, làm sao các cô để ý tới được. Nhưng các chuyến đò dọc vẫn lạnh lùng xuôi ngược qua Thái Huyền Trang, không có người bạn trai nào quen họ ở đây cả... Rồi một chuyến đò dọc cũng phải cặp bến: họa sĩ Long. Chàng đến do một tai nạn xe hơi, xe của Long bị lật trong đêm mưa trước Thái Huyền Trang. Chàng được đưa vào săn sóc, vết thương xoàng nhưng cũng phải nằm cả tuần lễ ở Thái Huyền Trang, rồi lại tìm cơ ở nán thêm cả tháng nữa: chàng đề nghị vẽ truyền thần cho cả gia đình ông Nam Thành và được chấp thuận. Thời gian

đó đủ để Long gây sóng gió trong lòng các cô gái lỡ thì. Long vốn là nghệ sĩ nên không cảm lòng được trước sắc đẹp của bốn cô nàng, nhưng con đò dọc của Long đậu sát vào cái bến mang tên loài hoa Hồng, bởi sắc đẹp của Hồng là sắc đẹp của đàn bà (Hồng đã hiến thân trong một phút hy sinh muốn giữ người yêu trong cuộc tình xưa. Họ đều vô tội, tất cả chỉ vì hoàn cảnh). Người chị cả Hương, tình tình lãnh đạm nên đứng bên lề cuộc sóng gió nơi Thái Huyền Trang. Long chỉ coi Quá như người em gái ngây thơ mặc dù cô này cũng đã 22 tuổi. Hoa thì chàng khinh trong lòng vì nàng nói xấu chị bằng cách kể lại mối tình xưa của Hồng với ít nhiều thêm thắt. Có những đợt sóng lớn vỗ vào Thái Huyền Trang: trận đánh nhau giữa Hồng và Hoa; Hồng nhảy xuống giếng tự vận được cứu thoát; Quá uống thuốc ngủ tự tử được đưa vào bệnh viện Bà Chiểu vì Quá không bằng lòng con đò dọc là chàng Côn đến hỏi cưới do sự giới thiệu của Bằng. Rồi mọi sự cũng được êm xuôi do sự tọa rập sắp xếp của Long và Bằng; họ sắp xếp bằng cách đánh những đòn tâm lý đẩy kiến hiệu làm cho Quá yêu Côn thật sự; Hoa thì về với Đăng, một công chức gương mẫu. Đám cưới của hai nàng cử hành trong một năm. Long đã dọn sạch đường để dễ dàng tới với Hồng. Một cơn sóng nổi dậy trong tâm hồn của Long rồi cũng êm xuôi: Long chợt có ý nghĩ Hồng đã trở thành gái què của Thái Huyền Trang, không đẹp đôi với mình khi về sống ở Sài Gòn. (Có lẽ đây là một gương ếp của nhà văn Bình Nguyên Lộc, gương ếp cho hợp với ý định của ông là nêu ra một lời can gián: nơi thảo dã chỉ dành riêng cho tuổi già, thế hệ trẻ đã quen sống nơi thành thị không nên đưa về chốn quạnh hiu mà tội nghiệp cho tuổi thanh xuân của họ).

Áp dụng phương pháp tìm hiểu một lối viết trong cuốn tiểu thuyết "Đò Dọc": diễn dịch từ

những nhận định tổng quát về nhà văn Bình Nguyên Lộc (xin nhắc lại những nhận định tổng quát ấy do các nhà văn học sử cung cấp). Nhận định thứ nhất là “ *Bình Nguyên Lộc, nhà văn điển hình miền Nam*”, và nhận định thứ hai “ *nhà văn của những chuyện hồn hậu*”. Tại sao là nhà văn miền Nam mà không là nhà văn nói chung như một Thanh Tâm Tuyền, một Huỳnh Phan Anh: đó không hẳn chỉ vì nơi sinh quán của nhà văn là miền Nam mà chính vì cá tính miền Nam đã bộc lộ qua tác phẩm. Cá tính miền Nam là những hệ luận thuộc về mặt nổi, hệ luận do sự diễn dịch từ nhận định tổng quát: Bình Nguyên Lộc, nhà văn miền Nam. Những hệ luận nổi ai cũng có thể nhận ra dù chỉ một lần đi vào tác phẩm của Bình Nguyên Lộc: tận dụng ngôn ngữ miền Nam và tình yêu quê hương càng ngày càng thu hẹp vào tình yêu đất. Tận dụng ngôn ngữ miền Nam, điều này quá rõ ràng, dần trải ở mỗi nơi trong suốt 290 trang sách. Đã có nhiều “nhà văn điển hình miền Nam” rồi: Hồ Biểu Chánh, Sơn Nam, Nguyễn Thị Thụy Vũ (các cuốn tiểu thuyết thuộc giai đoạn sau những “Mèo Đêm” và “Lao Vào Lửa”). Nhà văn miền Nam, hầu như người nào mang nhãn hiệu này cũng là vì họ tận dụng ngôn ngữ miền Nam. Tuy thế có những dị biệt: tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh có vẻ nghiêng về nhân tình thế thái, Sơn Nam nghiêng về lịch sử khẩn hoang, Thụy Vũ nghiêng về ám ảnh sự thịnh mãn của những gia đình phú hộ miệt vườn, và Bình Nguyên Lộc có vẻ nghiêng về tình đất. Vậy “tình đất” cũng là một hệ luận nổi diễn dịch từ nhận định tổng quát “nhà văn miền Nam”. Tình đất khiến xui Bình Nguyên Lộc phê bình nghiêm khắc cái thuở xưa của Sài Gòn: nơi không có dân chính gốc (chỉ toàn là thương gia và công chức đến tạm trú làm ăn), nơi không có cá tính nghĩa là không có nhân cách riêng để quyến rũ du khách đi nhờ về thương những nét đặc thù,

nơi rất hiếm câu ca dao vì có phải là quê hương của ai đâu mà ngậm ngùi lưu niệm bằng những bài hát ngắn (Nhưng bây giờ Sài Gòn đã là quê hương, nơi sinh trưởng của nhiều thế hệ, nơi đáng mơ về vì đã có cá tính có kỷ niệm mà mối tình của Hồng là một) (trang 43- 44). Tình đất đã khiến xui tình thương quê hương của Bình Nguyên Lộc càng lúc càng thu hẹp: từ miền Nam thu hẹp về miền Đông, ông trách nhẹ miền Tây chưa giàu truyền thống và lòng người chưa thuần hơn miền Đông (trang 67) rồi miền Đông càng lúc càng thu hẹp về tỉnh Biên Hòa của ông: các địa danh được làm bối cảnh đều nằm trong miền này, núi Châu Thới, làng Linh Chiểu, suối Lồ Ô, miệt Tân Ninh:

"Lấy chồng về miệt Tân Ninh

Kéo dây giếng 30 sải, thất kinh ông bà"

Tình đất đã khiến xui Bình Nguyên Lộc tạo ra nhân vật người anh họ tên Bằng, anh chàng lo kiếm chồng cho các cô em để ông bà Nam Thành tiếp tục định cư nơi thảo dã Thái Huyền Trang, sống bám vào đất để làm gương, đừng bỏ về Sài Gòn (cho các con ông có môi trường gặp gỡ người xứng đáng). “Tình đất” và “ngôn ngữ địa phương” là những hệ luận thuộc mặt nổi do sự diễn dịch từ nhận định “Bình Nguyên Lộc, nhà văn miền Nam”. Và đây là hệ luận chìm: “*Bình Nguyên Lộc muốn làm nhà văn miền Nam hay tình cờ là nhà văn miền Nam?*”. Có thể nói Hồ Biểu Chánh là nhà văn miền Nam một cách tự nhiên, cụ viết như tiếng nói hàng ngày mọi người xung quanh cụ quen dùng. Bằng chứng nào mà nói như vậy? Cụ Hồ Biểu Chánh có cuốn sách nào để lại chứng tỏ cụ là người am tường ngôn ngữ đâu? Trái lại nhà văn Bình Nguyên Lộc rất có nhiều hiểu biết về ngôn ngữ: tác phẩm “*Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam*” có vô số chỗ so chiếu tiếng nói của các sắc dân trên dải đất Việt Nam, và tác phẩm “*Lột trần Việt Ngữ*” cũng chứa đựng nhiều kiến thức về ngôn ngữ.

Và riêng trong cuốn "Đò Dọc" cũng có lắm chỗ biểu lộ cái rành về ngôn ngữ của ông, chẳng hạn nơi trang 17 (Trong Nam gọi là bánh xèo, người Huế gọi là bánh khói), trang 63, (Trong Nam gọi là con chàng hiu, ngoài Bắc gọi là con chấu chuộc. Trong Nam người con đầu trong nhà gọi là thứ hai, ngoài Bắc gọi là con cả), trang 204 (Trong Nam từ ngữ lịch sự có nghĩa là đẹp trai, ngoài Bắc có nghĩa là đứng đắn biết điều)...

Một nhận định tổng quát về Bình Nguyên Lộc mới được luận qua, và đây cũng là một nhận định tổng quát do các nhà văn học sử quy định: "*Bình Nguyên Lộc, nhà văn của những chuyện hồn hậu*". Từ nhận định này ta lại diễn dịch ra các hệ luận nổi và hệ luận chìm. Hệ luận nổi: Tâm lý nhân vật đa số đều tốt đẹp. Quả đúng như thế: Bà Nam Thành là người đàn bà vì chồng vì con, bản tính không thích nơi thảo dã mà vì chồng nên cũng phải thích theo (trang 27), ông Nam Thành đối xử với con cái rất cởi mở, đến nỗi phân công mà cũng giải quyết bằng cách bắt thăm (trang 35), bà phủ mẹ của Long thật là biết điều, hạ mình khiêm tốn trong lời tặng quà và nhận lời mời buổi cơm của ông bà Nam Thành (trang 152, 153, 155), Long là nghệ sĩ yêu cái đẹp của hết người này đến người nọ trong 4 chị em, nhưng gặp gia đình đứng đắn và đáng thương về hoàn cảnh lỡ thì, chàng nghĩ đến chuyện hợp thức hóa tình yêu (trang 168), người tình cũ của Hồng cũng là kẻ tốt đẹp, chỉ vì yếu lòng không thắng nổi bản năng mà Thân, sinh viên y khoa, mồ côi cha mẹ, đã đi lại với một nữ đồng khoa đến mang thai và chính Hồng đã phải hy sinh cho đứa hài nhi lớn lên biết cha nó là ai (trang 219), người đáng kể sau chót là Hương, nhân vật được Bình Nguyên Lộc cho đứng ở bên lề sóng gió, do tính hồn hậu mà ông đã cứu vớt bằng cách tạo cho nàng một tâm lý lãnh đạm đứng đưng, làm người đọc cảm thấy nhẹ nhàng

vì Hương có đau khổ gì đâu, nàng đâu có buồn vì sự lỡ thời. Tâm lý nhân vật đều tốt đẹp, trừ một đôi người như Hoa, tính tình thâm độc khi nói xấu chị bằng cách kể cho Long nghe mối tình đã có dấu vết tội lỗi giữa Thân và Hồng, và Hoa cũng đã xấu xa khi lấy miếng chén bể đánh vào mặt người chị cốt làm hư gương mặt xinh đẹp của Hồng, nhưng Bình Nguyên Lộc cũng đã cố gắng vớt vát giùm cho cái tâm lý đầy nhân dục của Hoa "*...điều đó tuy vậy, nhưng những kẻ may mắn hơn liệu có lương thiện được hay không nếu đứng vào địa vị họ?*" (trang 233). Những nhân vật tốt đẹp lồng trong một câu chuyện có hậu, các chị em Thái Huyền Trang rốt cuộc đều có đôi có bạn, đưa nhau về sống tại Sài Gòn. Thái Huyền Trang hiu quạnh nhưng không còn buồn bã trước những con đò dọc ngược xuôi trên đường thiên lý...

Bây giờ ta nói đến hệ luận chìm diễn dịch từ nhận định "nhà văn của những chuyện hồn hậu". Hồn hậu có phải là cái tính muốn mọi sự đều êm đẹp không? Thế thì bản chất của hồn hậu là dung hòa mọi đối nghịch, dung hòa mọi mâu thuẫn, vậy "*dung hòa mâu thuẫn*" là hệ luận chìm của nhận định tổng quát kia. Còn gì mâu thuẫn hơn mối tình giữa ba chị em đối với một người thanh niên, thế mà nhà văn Bình Nguyên Lộc đã dung hòa được hết, đẹp nhất là họ đều thành đôi lứa với tình yêu chân thật chứ không phải bằng chấp vá: Quá ban đầu không yêu Côn vì đã trót yêu Long, trót yêu nên không thấy cái đẹp của Côn mà chỉ thấy anh chàng là một người hủ lậu: đi xem mắt vợ tương lai (thật ra ông già bà già chàng xưa chứ Côn là một thanh niên trí thức văn minh, về sau Quá mới khám phá và yêu thành thật Côn, một phần nào cũng do ngón đòn tâm lý của Bằng tìm cách trói buộc hai tâm hồn). Và còn gì mâu thuẫn hơn thế hệ già thế hệ trẻ, nhưng Bình Nguyên Lộc cũng đã dung hòa

được. Sau này nếu họ không thành đôi thì “mâu thuẫn không gian cư ngụ” của thế hệ già thế hệ trẻ không có lối thoát, nhưng chính nhờ bối cảnh Thái Huyền Trang đã se duyên cho họ nên mâu thuẫn kia đã được Bình Nguyên Lộc làm cho êm xuôi. Và sự đối nghịch then chốt của cuốn “Đò Dọc” cũng được san bằng: ông bà Nam Thành ở lại Thái Huyền Trang hợp với tuổi già, các con ông trở lại Sài Gòn trẻ trung hợp với tuổi thanh xuân.

Lối phê bình đi tìm những lối viết tiểu thuyết áp dụng phương pháp diễn dịch từ những nhận định tổng quát về một nhà văn, hoặc từ một lời tự nhận của nhà văn, hoặc từ một định nghĩa tổng quát về văn chương, ấy là lối phê bình không cốt nêu ra ưu khuyết điểm của tác phẩm, cho nên điều dở điều hay chỉ được ghi nhận một cách thấp thoáng, có lẽ là thiếu sót. Khuyết điểm dễ trông thấy (mà có phải khuyết điểm không?) là tác phẩm có quá nhiều chỗ vui nhộn. Nơi trang 80, Bằng đến chơi ở Thái Huyền Trang có vẻ xếp đặt quá: các cô đang nghĩ đến Bằng tại sao lâu quá không về đây, thì “Bồng Hoa kêu rú lên” và Bằng xuất hiện. Lối tả cảnh trong vài đoạn độc đáo với liên tưởng rất gần gũi đời thường: “*Sân sáng sao trông mờ mờ như hừng đông. Vài con đom đóm nở trước mùa xẹt qua lại trên không trung thành những lần nhỏ dài như những mũi kim vàng trên vòm trời sao đầy đặc như dề cơm cháy. Đó là muôn ngàn đầu cây đình bằng vàng đóng trên một tấm trần đen. Thỉnh thoảng một cây đình long ra, rơi đi đâu không biết (sao băng)... Quận quẹo là khúc đường từ nhà đổ xuống chợ Thủ Đức và quận quẹo là lòng của bốn ả nhớ nhà...*” (trang 42- 43). Ta đã hiểu tại sao nhà văn không dùng những tính tự khuấy khúc hoặc quanh co thay cho những chữ quận quẹo ít thấy trong văn chương quy ước. Hình như nhà văn Bình Nguyên Lộc có khuynh hướng tả cảnh lạ hơn là vẽ bình thường: *đèn*

pha trên xa lộ bắt chéo nhau như những lưỡi gươm dài mà máy tay hiệp sĩ dạ khách khổng lồ nào đang so kiếm giữa đêm trường (trang 44)... cam không “tiền sử” kéo những khúc gỗ như thầy người vừa bị lột da chói lòa dưới ánh nắng hè (trang 57)...” Đèn pha xe hơi như những sợi giây đôi to cột dính xe trước với xe sau làm thành một đoàn dài trên đường thiên lý ban đêm (trang 62)... Kên kên bị đốt lửa mang theo mỗi chú một cục lửa đỏ lòm trong bầu trời đen của đêm vừa xuống (trang 78) (1). Bình Nguyên Lộc tránh tiểu- thuyết- hóa nên làm cho độc giả không có cảm tưởng Long là nhân vật quá lý tưởng khiến ba chị em đều đem lòng yêu thương, sợ dĩ họ yêu vì hoàn cảnh Thái Huyền Trang hiu quạnh, vì do tâm trạng những cô gái sợ lỡ thời. Những chỗ ngộ nhận thi vị như cuốn phim cuộc đời thi sĩ Henri Heine làm cho Quá lằm tưởng Long chiếu cuốn phim để bày tỏ nỗi lòng mình (Quá thâm nghĩ Long muốn nói chàng như thi sĩ Heine đã thông cảm tình yêu ngây thơ của cô gái), còn Hồng nghĩ Long thâm trách nàng như trong phim Heine thâm trách thiếu phụ thờ ơ tình yêu của thi sĩ...

TRẦN VĂN NAM

Bài viết năm 1974 tại Sài Gòn, bổ túc năm 2006 tại California

Ghi chú: Số trang ghi trong bài căn cứ theo cuốn Đò Dọc do nhà xuất bản “Ngày Mới” ấn hành năm 1973 tại Sài Gòn.